

Số: 79/QĐ-HGDBP

Điện Biên, ngày 01 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện Quy chế công khai
Năm học 2021-2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH&THCS HERMANN GMEINER ĐIỆN BIÊN PHỦ

Căn cứ Điều 11 Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 09 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng;

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ nhiệm vụ năm học của trường TH&THCS Hermann Gmeiner Điện Biên Phủ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện Quy chế công khai trường TH&THCS Hermann Gmeiner Điện Biên Phủ năm học 2021-2022 (có danh sách kèm theo)

Điều 2. Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai theo kế hoạch, thời gian và nhiệm vụ được phân công; thu thập đầy đủ, chính xác các số liệu để kê khai các biểu mẫu gồm nội dung: công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục; công khai thu chi tài chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; Phó hiệu trưởng, bộ phận chuyên môn và các Ông (bà) có tên trong danh sách ghi tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT.
- Như điều 3;
- Lưu VT-CM.



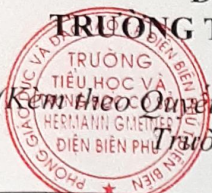
Trần Văn Trắc

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO

TRƯỜNG TH&THCS HERMANN GMEINER ĐIỆN BIÊN PHỦ

NĂM HỌC 2021-2022

(~~Kèm theo Quyết định số: 39/QĐ-HGDBP~~ ngày 01 tháng 9 năm 2021 của HT
Trưởng TH&THCS Hermann Gmeiner Điện Biên Phủ)



TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Trần Văn Trắc	Hiệu trưởng	Trưởng ban	
2	Nguyễn Thị Thanh	Phó Hiệu trưởng	Phó ban	
3	Đặng Quỳnh Châu	Thư ký, giáo vụ	Thư ký	
4	Hà Thị Việt Hà	Giáo viên TPT Đội	Ủy viên	
5	Trần Thị Hà	Tổ trưởng tổ Tiểu học	Ủy viên	
6	Bé Thành Liệu	Tổ trưởng tổ THCS	Ủy viên	
7	Phạm Hồng Nhung	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Ủy viên	

Danh sách trên có 07 thành viên./.

Số: 80 /KH-HGĐBP

Điện Biên, ngày 01 tháng 9 năm 2021

KẾ HOẠCH
Về việc thực hiện Quy chế công khai nhà trường
theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT năm học 2021-2022

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ kế hoạch nhiệm vụ năm học 2021-2022 trường TH&THCS Hermann Gmeiner Điện Biên Phủ xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

Thực hiện công khai cơ sở giáo dục trường học nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục, để xã hội tham gia giám sát và đánh giá theo quy định của pháp luật.

Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của Quy chế thực hiện công khai.

II. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai

Ban Chỉ đạo của Trường do Hiệu trưởng làm Trưởng ban. Phó Hiệu trưởng là Phó trưởng ban. Tổ trưởng chuyên môn, Bí thư Đoàn thanh niên, TPT Đội, Trưởng ban thanh tra nhân dân là các uỷ viên của Ban chỉ đạo.

Hiệu trưởng (Trưởng ban chỉ đạo) tổ chức học tập, quán triệt, phổ biến nội dung Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT và văn bản hướng dẫn thực hiện của Phòng GD&ĐT tới toàn thể CBGVNV nhà trường. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thành viên Ban chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy chế.

Các thành viên trong ban chỉ đạo thực hiện theo sự phân công của trường, phó ban, căn cứ Quy chế để tiến hành thu thập thông tin, số liệu kê khai các biểu mẫu: 05, 06, 07, 08 đối với cấp Tiểu học; biểu mẫu 09, 10, 11, 12 đối với cấp THCS. Báo cáo nội dung công khai: Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; Công khai thu, chi tài chính; đồng thời phải bảo đảm thời gian hoàn tất báo cáo để công khai trước tập thể nhà trường, phụ huynh học sinh và cơ quan lãnh đạo Phòng Giáo dục- Đào tạo đúng lộ trình đề ra trong kế hoạch.

III. Các nội dung thực hiện công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

- Cam kết chất lượng giáo dục trong năm học 2021-2022: điều kiện tuyển sinh vào lớp đầu cấp; chương trình giáo dục; công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình học sinh; những yêu cầu về thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ cho việc học tập, sinh hoạt của học sinh; kết quả năng lực, phẩm chất, học tập; sức khỏe học sinh đạt được trong năm; khả năng tiếp tục học tập của học sinh (đính kèm biểu mẫu số 05 và 09).

- Chất lượng giáo dục thực tế: kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh cuối năm học 2020-2021 tính theo từng khối lớp; số học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện, Tỉnh; tỉ lệ học sinh được công nhận HTCTTH, tốt nghiệp THCS, đỗ vào lớp 10 các trường trên địa bàn tỉnh, số học sinh nam, nữ, dân tộc thiểu số từng khối lớp.

- Đạt trường chuẩn quốc gia trong năm học 2017-2018 và tiếp tục duy trì kết quả đạt chuẩn quốc gia trong các năm học tiếp theo.

2. Công khai về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- Cơ sở vật chất (đầu năm học 2021-2022): về số lượng và diện tích các phòng học, phòng chức năng, sân chơi bãi tập được tính bình quân trên một học sinh; tổng số thiết bị phục vụ dạy học được tính bình quân trên một lớp; số lượng máy vi tính; khu nhà vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt; nguồn điện ánh sáng; kết nối thông tin mạng ADSL, tường rào bảo vệ trường (đính kèm biểu mẫu số 7 và 11).

- Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (tính đến 15/9/2021), tổng số CB-VC là: 24 người; về trình độ đào tạo (đính kèm biểu mẫu số 08 và 11).

3. Công khai tài chính:

- Công khai mức thu học phí và các khoản thu khác từ học sinh trong năm học 2021-2022.

- Kết quả việc thực hiện các chế độ chính sách cho học sinh như Học bổng Hermann Gmeiner, chế độ hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81, chế độ hỗ trợ học phí cho học sinh dân tộc rất ít người theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP.

- Hỗ trợ đóng bảo hiểm cho GVNV hợp đồng.

IV. Phân công nhiệm vụ các thành viên tham gia điều tra cung cấp số liệu, thông tin.

1. Trưởng ban: Trần Văn Trắc: Chỉ đạo điều hành tổ chức triển khai Thông tư: 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD-ĐT và hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ở năm học 2021-2022 và “3 công khai” của trường đến tất cả toàn thể Hội đồng sư phạm nhà trường, học sinh và PHHS. Chỉ đạo trực tiếp các thành viên tiến hành

đều tra thông tin, thu thập số liệu cập nhật vào các biểu mẫu và điều hành kê khai báo cáo thu chi tài chính;

2. Phó ban: Nguyễn Thị Thanh: Tổ chức kiểm tra và nhập thông tin. Thực hiện chức năng giám sát các cá nhân, bộ phận kê khai thông tin trên các báo cáo, biểu mẫu trung thực, chính xác, tập hợp các loại hồ sơ đề niêm yết công khai như: Quy chế làm việc của nhà trường; Quy chế dân chủ cơ sở; Bảng tổng hợp chất lượng giáo dục; Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021; kiểm tra thời gian tổ chức công khai, địa điểm công khai và thường xuyên báo cáo Trường ban.

3. Thư ký: Tổng hợp thông tin báo cáo, các biểu mẫu kê khai, nhập dữ liệu trên máy vào các biểu mẫu báo cáo.

4. Báo cáo thu, chi tài chính và đề xuất quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020, 2021: Kế toán.

5. Các thành viên còn lại cung cấp thông tin để trường ban lập các biểu mẫu.

V. Tổ chức thực hiện.

1. Về hình thức và địa điểm công khai:

Tổ chức công khai trong Hội đồng sư phạm nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường;

Các tài liệu in đầy đủ niêm yết ở vị trí phòng giáo viên, bảng thông tin dễ thuận tiện theo dõi (gồm: Quy chế công khai cơ sở giáo dục và kế hoạch thực hiện Quy chế của nhà trường, có đính kèm các biểu mẫu báo cáo; Quy chế dân chủ cơ sở; Bảng tổng hợp kết quả giáo dục học lực và hạnh kiểm năm học 2020-2021 của học sinh; Bảng phân công nhiệm vụ năm 2021-2022; Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021).

2. Thời gian công khai:

- Sáng ngày 15/09/2021 đến hết ngày 30/9/2021: Niêm yết công khai cho toàn thể PHHS của trường, học sinh và Ban đại diện cha mẹ học sinh (tại bảng thông báo).

- Công khai trên trang web của trường vào đầu tháng 10/2021 và cuối năm học 2021-2022.

Trên đây là kế hoạch triển khai quy chế công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của trường TH&THCS Hermann Gmeiner Điện Biên Phủ./.

Nơi nhận:

- B/c Phòng GD&ĐT;
- Lưu VT.



Trần Văn Trắc

**PHÒNG GD&ĐT TP ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG TH&THCS HERMANN GMEINER DBP**

Biểu mẫu 09

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục cấp THCS
năm học 2021-2022

Stt	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8
I	Điều kiện tuyển sinh	<p>Được các trường TH công nhận hoàn thành chương trình tiểu học lên lớp 6.</p> <p>- Độ tuổi 11-13</p>	<p>Đã hoàn thành chương trình lớp 6 phổ thông, được công nhận lên lớp 7.</p> <p>- Độ tuổi 12-15</p>	<p>Đã hoàn thành chương trình lớp 7 phổ thông, được công nhận lên lớp 8.</p> <p>- Độ tuổi 13-16</p>
II	Chương trình giáo dục thực hiện	<p>Thực hiện chương trình GDPT 2018</p>	<p>Tuân thủ theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, SGK của bộ GDĐT ban hành; áp dụng dạy học mô hình trường học mới theo Công văn số 4668/BGDĐT-GDTrH về việc Hướng dẫn triển khai mô hình trường học mới Việt Nam cấp THCS từ năm học 2015-2016.</p>	<p>Đã hoàn thành chương trình lớp 8 phổ thông, được công nhận lên lớp 9</p> <p>- Độ tuổi 14-17</p>
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của HS	<p>Tổ chức họp phụ huynh, xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà trường với phụ huynh trong việc giáo dục HS. Phụ huynh HS có trách nhiệm giáo dục, quản lý việc học tập của con em tại nhà, có nghĩa vụ đóng góp các khoản theo quy định.</p> <p>HS theo học tại trường phải cam kết có thái độ kính trọng thầy cô, hòa nhã với bạn bè, đi học chuyên cần, tích cực tham gia học tập, tham gia các hoạt động khác của nhà trường.</p>		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<p>Có sân chơi, hệ thống cây xanh, bồn hoa cây cảnh tạo cảnh quan trường học "xanh, sạch, đẹp". Có phòng đọc sách, có hệ thống nước sạch, điện lưới, nhà vệ sinh hợp vệ sinh, có bồn rửa tay hiện đại. Có sân bóng, bãi tập.</p> <p>Các hoạt động phong trào được tổ chức thường xuyên, nội dung bổ ích, đạt hiệu quả cao.</p>		

V	<p>Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe học sinh dự kiến đạt được</p>	<p>- Kết quả dự kiến phẩm chất của HS: + Tốt: 15/21 + Khá: 6/21 + Đạt: 0 + CĐ: 0</p> <p>- Kết quả dự kiến năng lực của HS: + Tốt: 3/21 + Khá: 8/21 + Đạt: 10/21 + CĐ: 0</p> <p>- Kết quả dự kiến học tập HS: + HSXS: 1/21 + HSG: 2/21</p> <p>- Sức khỏe của HS: Tốt</p>	<p>- Kết quả dự kiến phẩm chất của HS: + Tốt: 15/21 + Đạt: 6/21 + CCG: 0</p> <p>- Kết quả dự kiến năng lực của HS: + Tốt: 4/21 + Đạt: 17/21 + CCG: 0</p> <p>- Kết quả dự kiến học tập HS: + HTT: 4/21 + HT: 17/21 + CHT: 0</p> <p>- Sức khỏe của HS: Tốt</p>	<p>- Kết quả dự kiến phẩm chất của HS: + Tốt: 8/15 + Đạt: 7/15 + CCG: 0</p> <p>- Kết quả dự kiến năng lực của HS: + Tốt: 3/15 + Đạt: 12/15 + CCG: 0</p> <p>- Kết quả dự kiến học tập HS: + HTT: 2/15 + HT: 13/15 + CHT: 0</p> <p>- Sức khỏe của HS: Tốt</p>	<p>- Kết quả dự kiến phẩm chất của HS: + Tốt: 20/22 + Đạt: 2/22 + CCG: 0</p> <p>- Kết quả dự kiến năng lực của HS: + Tốt: 6/22 + Đạt: 16/22 + CCG: 0</p> <p>- Kết quả dự kiến học tập HS: + HTT: 6/22 + HT: 16/22 + CHT: 0</p> <p>- Sức khỏe của HS: Tốt</p>
VI	<p>Khả năng học tập tiếp tục của học sinh</p>	<p>- HS của nhà trường sau khi hoàn thành chương trình lớp 6 đạt yêu cầu về KT, KN đủ điều kiện để tiếp tục học lên lớp 7 ở trường, hoặc ở các trường THCS khác.</p>	<p>- HS của nhà trường sau khi hoàn thành chương trình lớp 7 đạt yêu cầu về KT, KN đủ điều kiện để tiếp tục học lên lớp 8 ở trường, hoặc ở các trường THCS khác.</p>	<p>- HS của nhà trường sau khi hoàn thành chương trình lớp 8 đạt yêu cầu về KT, KN đủ điều kiện để tiếp tục học lên lớp 9 ở trường, hoặc ở các trường THCS khác.</p>	<p>- HS của nhà trường sau khi hoàn thành chương trình lớp 9 đạt yêu cầu về KT, KN đề dự xét tuyển, thi tuyển vào các trường THPT, hoặc TH chuyên nghiệp.</p>

Điện Biên, ngày 09 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



Điền Văn Chúc

Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP ĐIỆN BIÊN PHỦ

TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ THCS HERMANN GMEINER ĐIỆN BIÊN PHỦ

CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỰC TẾ CẤP THCS NĂM HỌC 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	93	25	17	23	28
1	Tốt	63	19	10	18	16
	(tỷ lệ so với tổng số)	67.7	76.0	58.8	78.3	57.1
2	Khá	30	6	7	5	12
	(tỷ lệ so với tổng số)	32.3	24.0	41.2	21.7	42.9
3	Trung bình	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
4	Yếu	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0	0.0	0.0	0.0	0.0
II	Số học sinh chia theo học lực	93	25	17	23	28
1	Giỏi	8	4	0	2	2
	(tỷ lệ so với tổng số)	8.6	16.0	0.0	8.7	7.1
2	Khá	55	11	8	14	22
	(tỷ lệ so với tổng số)	59.1	44.0	47.1	60.9	78.6
3	Trung bình	30	10	9	7	4
	(tỷ lệ so với tổng số)	32.3	40.0	52.9	30.4	14.3
4	Yếu	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
5	Kém	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp	93	25	17	23	28
	(tỷ lệ so với tổng số)	100	100	100	100	100
a	Học sinh giỏi	17	4	2	7	4
	(tỷ lệ so với tổng số)	18.3	16.0	11.8	30.4	14.3
b	Học sinh tiên tiến	50	11	10	10	19
	(tỷ lệ so với tổng số)	53.8	44.0	58.8	43.5	67.9
2	Thi lại	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
3	Lưu ban	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0	0.0	0.0	0.0	0.0
4	Chuyển trường đến/đi	0				
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
5	Bị đuổi học	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0	0.0	0.0	0.0	0.0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)		0.0	0.0	0.0	0.0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi	4	0	0	1	3
	học sinh giỏi cấp huyện	3	0	0	1	2
1	Cấp tỉnh/thành phố	1	0	0	0	1

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	30				
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	30				
1	Giỏi	4				
	(tỷ lệ so với tổng số)	14.3				
2	Khá	20				
	(tỷ lệ so với tổng số)	71.4				
3	Trung bình	4				
	(tỷ lệ so với tổng số)	14.3				
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	52/40	14/10	11/6	10/13	17/11
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	44	10	4	12	18

Điện Biên, ngày 03 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Trần Văn Trắc

**CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT CẤP THCS
NĂM HỌC 2021-2022**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	6	Số m ² / học sinh
II	Loại phòng học	6	2.63
1	Phòng học kiên cố	6	2.63
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	4	1.72
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	0,67	
8	Bình quân học sinh/lớp	19,75	
III	Số điểm trường	0	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	30468	385.7
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3900	49.4
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	324	4.10
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	211	2.67
3	Diện tích thư viện (m ²)	46	0.58
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	0.00
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	46	0.58
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	1	1
1.2	Khối lớp 7	1	1
1.3	Khối lớp 8	1	1
1.4	Khối lớp 9	1	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	0	0
2.2	Khối lớp 7	0	0
2.3	Khối lớp 8	0	0
2.4	Khối lớp 9	0	0
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện)	0	0
4	Vườn rau	1	2.05
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	33	

			Số thiết bị/lớp
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		1
1	Tivi	4	
2	Cắt xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	0.5
5	Thiết bị khác...		
6		

		Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	DT bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

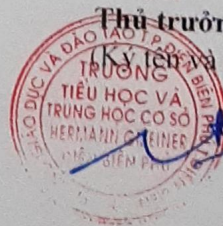
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	0	2	0	38 m
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu-điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Điện Biên, ngày 04 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Trần Văn Trắc

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	DH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	CD		
3	Thủ quỹ																
4	Nhân viên y tế	1						1									
5	Nhân viên thư viện																
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm																
7	Nhân viên hỗ trợ GD người khuyết tật																
8	Nhân viên khác	4						1		3							

Điện Biên, ngày 04 tháng 9 năm 2021

Phụ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Trần Văn Trác

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục cấp Tiểu học
năm học 2021-2022

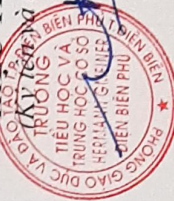
Stt	Nội dung	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	- HS trong độ tuổi đến trường tại địa phương và các vùng lân cận. - Độ tuổi 6-8	- Đã hoàn thành chương trình lớp 2 tiểu học, được công nhận lên lớp 3 - Độ tuổi 8-10	- Đã hoàn thành chương trình lớp 2 tiểu học, được công nhận lên lớp 3 - Độ tuổi 8-10	- Đã hoàn thành chương trình lớp 3 tiểu học, được công nhận lên lớp 4. - Độ tuổi 9-11	- Đã hoàn thành chương trình lớp 4 tiểu học, được công nhận lên lớp 5. - Độ tuổi 10-12
II	Chương trình giáo dục	- Thực hiện chương trình GDPT 2018.			- Thực hiện dạy học theo mô hình trường học mới tuân thủ theo đúng chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của HS	- Tổ chức họp phụ huynh, xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà trường với phụ huynh trong việc giáo dục HS. Phụ huynh HS có trách nhiệm giáo dục, quản lý việc học tập của con em tại nhà, có nghĩa vụ đóng góp các khoản theo quy định. - HS theo học tại trường phải cam kết có thái độ kính trọng thầy cô, hòa nhã với bạn bè, đi học chuyên cần, tích cực tham gia học tập, tham gia các hoạt động khác của nhà trường.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của HS	- Có sân chơi, hệ thống cây xanh, bồn hoa cây cảnh tạo cảnh quan trường học "xanh, sạch, đẹp". Có phòng đọc sách, có hệ thống nước sạch, điện lưới, nhà vệ sinh hợp vệ sinh, có bồn rửa tay hiện đại.				

<p>V</p> <p>Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe học sinh dự kiến đạt được</p>	<p>- Kết quả dự kiến năng lực, phẩm chất của HS: + Tốt: 27/38 + Đạt: 11/38 + CCG: 0</p> <p>- Kết quả dự kiến học tập HS: + HSXS: 13/38 + HTT: 8/38 + HT: 17/38 + CHT: 0</p> <p>- Sức khỏe của HS: Tốt</p>	<p>- Kết quả dự kiến năng lực, phẩm chất của HS: + Tốt: 25/32 + Đạt: 7/32 + CCG: 0</p> <p>- Kết quả dự kiến năng lực của HS: + Tốt: 23/32 + Đạt: 9/32 + CCG: 0</p> <p>- Kết quả dự kiến học tập HS: + HSXS: 12/32 + HTT: 8/32 + HT: 12/32 + CHT: 0</p> <p>- Sức khỏe của HS: Tốt</p>	<p>- Kết quả dự kiến phẩm chất của HS: + Tốt: 22/32 + Đạt: 10/32 + CCG: 0</p> <p>- Kết quả dự kiến năng lực của HS: + Tốt: 18/32 + Đạt: 14/32 + CCG: 0</p> <p>- Kết quả dự kiến học tập HS: + HTT: 9/32 + HT: 23/32 + CHT: 0</p> <p>- Sức khỏe của HS: Tốt</p>	<p>- Kết quả dự kiến năng lực, phẩm chất của HS: + Tốt: 26/36 + Đạt: 10/36 + CCG: 0</p> <p>- Kết quả dự kiến năng lực của HS: + Tốt: 25/36 + Đạt: 11/36 + CCG: 0</p> <p>- Kết quả dự kiến học tập HS: + HTT: 9/36 + HT: 27/36 + CHT: 0</p> <p>- Sức khỏe của HS: Tốt</p>	<p>- Kết quả dự kiến năng lực, phẩm chất của HS: + Tốt: 11/15 + Đạt: 4/15 + CCG: 0</p> <p>- Kết quả dự kiến năng lực của HS: + Tốt: 10/15 + Đạt: 5/15 + CCG: 0</p> <p>- Kết quả dự kiến học tập HS: + HTT: 2/15 + HT: 13/15 + CHT: 0</p> <p>- Sức khỏe của HS: Tốt</p>
<p>VI</p> <p>Khả năng học tập tiếp tục của học sinh</p>	<p>- HS của trường hoàn thành các nhiệm vụ, được tiếp tục học lên lớp 2</p>	<p>- HS của trường hoàn thành các nhiệm vụ, được tiếp tục học lên lớp 3</p>	<p>- HS của trường hoàn thành các nhiệm vụ, được tiếp tục học lên lớp 4</p>	<p>- HS của trường hoàn thành các nhiệm vụ, tiếp tục học lên lớp 5</p>	<p>- HS của trường hoàn thành các nhiệm vụ, được tiếp tục học lên cấp 2 tại trường hoặc các trường THCS khác.</p>

Điện Biên, ngày 04 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



Trần Văn Trúc

TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ THCS

HERMANN GMEINER ĐIỆN BIÊN PHỦ

CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT CẤP TIỂU HỌC
NĂM HỌC 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	5	Số m ² / học sinh
II	Loại phòng học	5	1.76
1	Phòng học kiên cố	5	1.76
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	30468	199.1
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3900	25.5
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	270	1.76
2	Diện tích thư viện (m ²)		
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)		
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)		
6	Diện tích phòng tin học (m ²)		
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)		
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	5	1
1.1	Khối lớp 1	1	1
1.2	Khối lớp 2	1	1
1.3	Khối lớp 3	1	1
1.4	Khối lớp 4	1	1
1.5	Khối lớp 5	1	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp 1	0	0
2.2	Khối lớp 2	0	0
2.3	Khối lớp 3	0	0
2.4	Khối lớp 4	0	0
2.5	Khối lớp 5	0	0

VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	33	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	5	1
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	0.4
5	Thiết bị khác...		
6		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	DT bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	0	2	0	12
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu kiện đảm bảo hợp vệ sinh)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Điện Biên, ngày 04 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



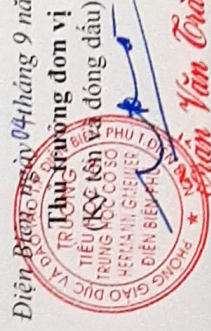
Trần Văn Đức

CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC TIÊU HỌC
NĂM HỌC 2021-2022

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	CD	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	7	0	0	4	3	0	0	0				1	6	0	0
I	Giáo viên	6	0	0	3	3	0	0					3	1	2	0
	Số giáo viên dạy chuyên biệt				2	3									2	
1	Tiếng dân tộc	0														
2	Ngoại ngữ	1			1									1		
3	Tin học	0														
4	Âm nhạc	0														
5	Mỹ thuật	0														
6	Thể dục	0														
II	Cán bộ quản lý	1			1	0	0	0								
1	Hiệu trưởng	1			1											
2	Phó hiệu trưởng	0														
III	Nhân viên	0			0	0	0	0								
1	Nhân viên văn thư															
2	Nhân viên kế toán															
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế															
5	Nhân viên thư viện															
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm															
7	Nhân viên hỗ trợ GD người KT															
8	Nhân viên khác															

Điện Biên Phủ, ngày 04 tháng 9 năm 2021

TRƯỜNG ĐƠN VỊ
TRUNG HỌC CƠ SỞ
HERMANN GMEINER
ĐIỆN BIÊN PHỦ



Trần Văn Đức